

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Trường tiểu học thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND huyện Triệu Sơn khóa XVIII, kỳ họp thứ 2 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Trường tiểu học thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Văn bản số 9094/SXD-HĐXD ngày 07/12/2021 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án Trường tiểu học thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Văn bản số 349/TĐ-KTHT ngày 15/12/2021 về việc báo cáo kết quả thẩm định báo cáo NCKT ĐTXD dự án (kèm theo Tờ trình của Ban QLDA ĐTXD huyện).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Trường tiểu học thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên dự án:** Trường tiểu học thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn.
- 2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:** Dự án nhóm C, công trình dân dụng, cấp II.
- 3. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn.
- 4. Chủ đầu tư:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn.
- 5. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:**

- Địa điểm xây dựng: Thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Diện tích đất sử dụng: khoảng 2,1ha.

6. Tổ chức khảo sát xây dựng: Công ty cổ phần Việt Thanh.

7. Tổ chức tư vấn lập báo cáo NCKT: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Vina 18.

8. Mục tiêu đầu tư:

Hoàn trả trường tiểu học thị trấn Triệu Sơn sau khi phá dỡ trường cũ để có mặt bằng thi công tuyến số 3 thuộc dự án đường giao thông nội TL514 và QL47C, huyện Triệu Sơn theo hình thức PPP (hợp đồng BT). Đồng thời, cụ thể hóa điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn đến năm 2030 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4542/QĐ-UBND ngày 01/11/2019.

9. Quy mô đầu tư:

Xây dựng mới 03 nhà lớp học, 01 nhà hiệu bộ, 01 nhà ăn bán trú và nhà bếp, nhà để xe, nhà vệ sinh, nhà trực bảo vệ, cổng tường rào, sân đường nội bộ, thoát nước, cây xanh và PCCC ngoài trời.

10. Giải pháp và tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản:

10.1. Nhà lớp học số 1:

Công trình có quy mô 02 tầng; kích thước 58,75 x 9,0 (tính từ tim đến tim trục); chiều cao công trình là 9,95m (tính từ cos sân đến đỉnh mái), cos 0,00 (cos nền nhà) cao hơn cos mặt sân hoàn thiện là 0,45m;

Mặt bằng tầng 01 bố trí 06 phòng học, 01 khu WC nam nữ riêng biệt; Mặt bằng tầng 02 bố trí 06 phòng học, 01 khu WC nam nữ riêng biệt;

Giao thông đứng bằng 02 thang bộ; giao thông ngang bằng hành lang rộng 2,4m.

10.2. Nhà lớp học số 2:

Công trình có quy mô 02 tầng; kích thước 58,75 x 9,0 (tính từ tim đến tim trục); chiều cao công trình là 9,95m (tính từ cos sân đến đỉnh mái), cos 0,00 (cos nền nhà) cao hơn cos mặt sân hoàn thiện là 0,45m;

Mặt bằng tầng 01 bố trí 06 phòng học, 01 khu WC nam nữ riêng biệt; Mặt bằng tầng 02 bố trí 06 phòng học, 01 khu WC nam nữ riêng biệt;

Giao thông đứng bằng 02 thang bộ; giao thông ngang bằng hành lang rộng 2,4m.

10.3. Nhà lớp học số 3:

Công trình có quy mô 02 tầng; kích thước 54.55 x 9,0 (tính từ tim đến tim trục); chiều cao công trình là 9,95m (tính từ cos sân đến đỉnh mái), cos 0,00 (cos nền nhà) cao hơn cos mặt sân hoàn thiện là 0,45m;

Mặt bằng tầng 01 bố trí 02 phòng học, 01 phòng thiết bị, 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng tin học, 01 khu WC nam nữ riêng biệt.

Mặt bằng tầng 02 bố trí 01 phòng âm nhạc, 01 phòng mỹ thuật, 01 phòng thư viện, 02 phòng học ngoại ngữ, 01 khu WC nam nữ riêng biệt.

Giao thông đứng bằng 02 thang bộ; giao thông ngang bằng hành lang rộng 2,4m.

10.4. Nhà hiệu bộ:

Công trình có quy mô 02 tầng; kích thước 25.5 x 12.3 (tính từ tim đến tim trục); chiều cao công trình là 10,45m (tính từ cos sân đến đỉnh mái), cos 0,00 (cos nền nhà) cao hơn cos mặt sân hoàn thiện là 0,75m;

Mặt bằng tầng 01 bố trí 01 phòng y tế học đường, 01 phòng hiệu phó, 01 phòng cho văn phòng + phòng họp, 01 khu WC nam nữ riêng biệt; Mặt bằng tầng 02 bố trí 01 phòng hiệu trưởng + tiếp khách, 01 phòng truyền thống, 01 phòng nghỉ giáo viên, 01 phòng kế toán, 01 khu WC nam nữ riêng biệt.

Giao thông đứng bằng 02 thang bộ; giao thông ngang bằng hành lang rộng 1,8m.

10.5 Nhà ăn bán trú:

Công trình có quy mô 01 tầng; kích thước 29.0 x 8.5 (tính từ tim đến tim trục); chiều cao công trình là 5.85m (tính từ cos sân đến đỉnh mái), cos 0,00 (cos nền nhà) cao hơn cos mặt sân hoàn thiện là 0,45m;

Mặt bằng bố trí 01 phòng ăn, 01 phòng bếp và 01 khu WC nam nữ riêng biệt.

Giao thông ngang bằng hành lang rộng 2,1m.

10.6. Các hạng mục phụ trợ:

a) Nhà trực bảo vệ:

Nhà trực bảo vệ có kích thước 4,72x4,2m chiều cao toàn nhà là 4,19m chiều cao nền nhà so với sân hoàn thiện là 0,15m.

Kết cấu móng xây đá hộc tường chịu lực.

b) Khuôn viên bồn hoa, sân bê tông:

Khuôn viên bồn hoa bằng bó hè xây gạch, ốp gạch thẻ.

Sân bê tông có kết cấu từ trên xuống: Bê tông đá 1x2 mác 200#, dày 15cm; Lớp nilon chống mất nước trên nền đầm chặt.

c) Cây xanh:

Trồng cây xanh bóng mát và cảnh quan cho toàn khu vực. Cây bóng mát trồng dày ở phía Tây, tạo bóng mát cho công trình.

d) Phòng chống môi:

Theo tiêu chuẩn TCVN 7958: 2017: Bảo vệ công trình xây dựng - Phòng chống môi cho công trình xây dựng mới.

10.7. Giải pháp kết cấu:

Phần móng sử dụng giải pháp móng băng và móng đơn BTCT đá 1x2 mác 250 dưới cột, móng đá hộc dưới tường;

Phần thân sử dụng kết cấu khung BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 250 đổ tại chỗ.

10.8. Giải pháp cấp điện, chống sét:

Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ nguồn điện theo thoả thuận với điện lực huyện Triệu Sơn cấp đến tủ điện tổng đặt trong công trình, phân phối đến các thiết bị sử dụng điện, hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần nhà và được luồn trong ống nhựa.

Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét, dây dẫn sét, hệ cọc tiếp địa, dây tiếp địa.

10.9. Giải pháp cấp, thoát nước:

Nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn nước của khu vực qua bể nước ngầm rồi bơm lên bể nước đặt trên mái sau đó cấp xuống các thiết bị dùng nước; ống cấp nước sử dụng ống cấp PPR.

Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung; nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài; nước mưa trên mái được thu về sânô xung quanh mái qua các ống đứng ra rãnh thoát nước bên ngoài, ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC.

10.10. Các hệ thống kỹ thuật khác

Các hệ thống kỹ thuật khác của công trình gồm: hệ thống phòng cháy chữa cháy, chiếu sáng, hệ thống mạng lan - internet, điều hòa không khí, thông gió,...thiết kế đồng bộ.

11. Tổng mức đầu tư dự án: 38.970,6 triệu đồng

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	31.835,1 triệu đồng
- Chi phí QLDA	818,9 triệu đồng
- Chi phí TVĐTXD	2.547,3 triệu đồng
- Chi phí khác	492,6 triệu đồng
- Chi phí dự phòng	3.276,7 triệu đồng

(có biểu chi tiết kèm theo)

12. Nguồn vốn: Ngân sách huyện và các nguồn huy động hợp pháp khác.

13. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

14. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

15. Thời gian thực hiện: Năm 2021-2022.

16. Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng: Đất trong khu vực thực hiện dự án được bồi thường và thu hồi theo quy định của Luật Đất đai và các quy định hiện hành khác.

Điều 2. Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc kho bạc nhà nước Triệu Sơn; Giám đốc Ban QLDA ĐTXD huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- TT HĐND huyện (b/c);
- Các PCT UBND huyện;
- UBND thị trấn Triệu Sơn;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
DỰ ÁN: XÂY DỰNG CÁC CẦU YẾU, HẸP TRÊN TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH
514B, ĐOẠN QUA ĐỊA PHẬN HUYỆN TRIỆU SƠN

Đơn vị tính: đồng

TT	THÀNH PHẦN CHI PHÍ	GIÁ TRỊ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	31.835.067.000
1	San nền	6.352.774.000
2	Nhà lớp học số 1 (2T-12P)	5.302.839.000
3	Nhà lớp học số 2 (2T-12P)	5.302.839.000
4	Nhà lớp học số 3 (2T-10P)	4.767.805.000
5	Nhà hiệu bộ	2.778.135.000
6	Nhà ăn bán trú	1.361.480.000
7	Nhà để xe	292.132.000
8	Nhà vệ sinh chung	391.158.000
9	Bể nước ngầm	459.060.000
10	Cổng, tường rào, nhà bảo vệ	2.006.170.000
11	Sân đường nội bộ	2.227.926.000
12	Phòng cháy chữa cháy	592.749.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	818.947.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	2.547.327.000
III.1	Giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	336.822.000
1	Khảo sát phục vụ lập Báo cáo NCKT	57.265.000
2	Lập nhiệm vụ khảo sát bước lập BCNCKT	1.718.000
3	Giám sát khảo sát bước lập Báo cáo NCKT	2.332.000
4	Lập Báo cáo NCKT	275.507.270
III.2	Giai đoạn thiết kế BVTC	2.210.505.000
1	Khảo sát phục vụ lập thiết kế BVTC	82.500.000
2	Lập nhiệm vụ KS bước thiết kế BVTC	2.475.000
3	Giám sát khảo sát bước lập thiết kế BVTC	3.359.400
4	Lập thiết kế BVTC và DT	1.009.821.975
5	Thẩm tra thiết kế BVTC	66.153.381
6	Thẩm tra dự toán	64.690.221
7	Giám sát thi công xây dựng	868.595.130
8	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu TCXD	95.822.634
9	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu giám sát TCXD	7.087.736
10	Thẩm định giá phục vụ lập dự toán	10.000.000

TT	THÀNH PHẦN CHI PHÍ	GIÁ TRỊ
IV	CHI PHÍ KHÁC	492.563.000
1	Thẩm định dự án	3.117.648
2	Thẩm định thiết kế BVTC và DT	81.613.536
3	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT gói thầu TCXD	28.940.970
4	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT gói thầu giám sát TCXD	2.000.000
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình XD	78.963.194
6	Bảo hiểm công trình	38.202.081
7	Chi phí thẩm duyệt thiết kế về PCCC	3.300.810
8	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	56.574.838
9	Kiểm toán	199.850.170
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	3.276.700.000
1	Dự phòng do phát sinh khối lượng	2.498.573.280
2	Dự phòng do yếu tố trượt giá	778.127.107
	TỔNG CỘNG	38.970.604.000

Bảng chữ: Ba mươi tám tỷ, chín trăm bảy mươi triệu, sáu trăm lẻ bốn nghìn đồng./.